



PHỤ LỤC

ATTACHMENT

(Kèm theo quyết định số: 870.2022/QĐ - CNCL ngày 07 tháng 11 năm 2022
của giám đốc Văn phòng Công nhận Chất lượng)

Tên phòng xét nghiệm: **Khoa Huyết học - Truyền máu**
Medical Testing Laboratory ***Hematology and Blood Transfusion Department***
Cơ quan chủ quản: **Bệnh viện Đa khoa tỉnh Bắc Giang**
Organization: ***Bac Giang General Hospital***
Lĩnh vực xét nghiệm: **Huyết học**
Field of testing: ***Hematology***
Người phụ trách/ *Representative:* **Dương Ngọc Cấp**
Người có thẩm quyền ký/ *Approved signatory:*

TT	Họ và tên/ <i>Name</i>	Phạm vi được ký/ <i>Scope</i>
1.	Dương Ngọc Cấp	Các xét nghiệm được công nhận/ <i>Accredited medical tests</i>
2.	Nguyễn Hồng Hạnh	
3.	Nguyễn Thị Khuyên	
4.	Hoàng Quảng Phúc	
5.	Đặng Thị Toàn	
6.	Nguyễn Thị Ngân	
7.	Nguyễn Thị Dung	
8.	Tổng Thị Huế	
9.	Nguyễn Thị Ninh	

Số hiệu/ *Code:* **VILAS Med 104**

Hiệu lực công nhận/ *Period of Validation:* **07/11/2025**

Địa chỉ/ *Address:* **Bệnh viện Đa khoa tỉnh Bắc Giang, đường Lê Lợi, Tp Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang**

Địa điểm/ *Location:* **Tầng 5, nhà A1, Bệnh viện Đa khoa tỉnh Bắc Giang, đường Lê Lợi, Tp Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang**

Điện thoại/ *Tel:* **0204.3853.789**

Fax: **0204.3828.490**

E-mail: **hhtm.bvbg@gmail.com**

Website: **www.bvdkinhbacgiang.vn**

DANH MỤC CHỈ TIÊU XÉT NGHIỆM ĐƯỢC CÔNG NHẬN
LIST OF ACCREDITED MEDICAL TESTS
VILAS Med 104

Lĩnh vực xét nghiệm: **Huyết học**
Discipline of medical testing: Hematology

STT No.	Loại mẫu (chất chống đông- nếu có) <i>Type of sample (anticoagulant-if any)</i>	Tên các chỉ tiêu xét nghiệm <i>(The name of medical tests)</i>	Kỹ thuật xét nghiệm <i>(Technical test)</i>	Phương pháp xét nghiệm <i>(Test method)</i>
1.	Máu/ Blood (EDTA)	Đếm số lượng Bạch cầu (WBC) <i>White blood count (WBC)</i>	Trở kháng <i>Impedance</i>	QTKT-HH-BC.69/72 (2021) (PENTRA XLR/ XL80)
2.		Đếm số lượng hồng cầu (RBC) <i>Red blood count (RBC)</i>	Trở kháng <i>Impedance</i>	QTKT-HH HC.70/74 (2021) (PENTRA XLR/ XL80)
3.		Đếm số lượng tiểu cầu (PLT) <i>Platelet count (PLT)</i>	Trở kháng <i>Impedance</i>	QTKT-HH-TC.68/75 (2021) (PENTRA XLR/ XL80)
4.		Xác định lượng huyết sắc tố (Hb) <i>Determination of Hemoglobin (Hb)</i>	Đo quang <i>Optical</i>	QTKT-HH-71/73 (2021) (PENTRA XLR/ XL80)
5.	Huyết tương (Natri citrate 3.8%) <i>Plasma (Sodium Citrate 3.8%)</i>	Xác định thời gian Prothrombin (PT) <i>Determination of Prothrombin time (PT)</i>	Phát hiện điểm đông bằng phương pháp quang học <i>Coagulation point detection by optical</i>	QTKT-HH-PT.03 (2022) (ACL TOP 550)
6.		Xác định thời gian Thromboplastin từng phần hoạt hóa <i>Determination of Activated partial thromboplastin time (APTT)</i>	Phát hiện điểm đông bằng phương pháp quang học <i>Coagulation point detection by optical</i>	QTKT-HH APTT.06 (2022) (ACL TOP 550)

Ghi chú/ Note: QTKT-HH: Quy trình xét nghiệm do PXN xây dựng/ Laboratory developed method